TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2018
"V/v: Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.
2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BP.

***- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B ktham gia phiên toà*:** Bà Trịnh Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện B, tỉnh BP. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 41/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Luân Văn Đ; Sinh năm 1965. (Có mặt)
HKTT: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh BP.
- *Bị đơn:* Vy Thị T; Sinh năm 1975. (Có mặt)
HKTT: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Luân Văn Đ trình bày: Ông và bà Vy Thị T tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ tháng 4 năm 1999, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà T chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không T được với nhau trong công việc làm ăn, quản lý tài chính và bất đồng quan điểm

trong sinh hoạt gia đình; Ngoài ra bà T nghi ngờ ông có quan hệ ngoại tình, từ đó hai bên thường xuyên cãi vã nhau, đến cuối năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng, hai bên sống ly thân cho đến nay. Hiện nay ông thấy mâu thuẫn giữa ông với bà T là trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ giữa ông và bà T không phải là vợ chồng; Ông và bà T có 01 con chung là Luân Văn Th, sinh ngày 29/8/2000 ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Ông và bà T tự thỏa thuận phân chia tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Vy Thị T trình bày: Bà xác nhận về quá trình chung sống, không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng tình cảm hiện nay giữa bà và ông Đ như ông Đ trình bày là đúng. Bà thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Đ nữa nên đồng ý đề nghị Tòa án tuyên bố quan hệ giữa bà với ông Đ không phải là quan hệ vợ chồng để giải thoát cho nhau; Bà và ông Đ có 01 con chung là Luân Văn Th, sinh ngày 29/8/2000, bà đồng ý để ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Luân Văn Th trình bày: Cháu là con của ông Đ và bà T, nay ông Đa bà T không tiếp tục sống chung với nhau cháu có nguyện vọng được ở với bố là ông Luân Văn Đ; Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tình cảm: Ông Đ và bà T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ tháng 4 năm 1999, nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ tình cảm giữa ông Đ và bà T không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Qúa trình sống chung hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, công việc, quản lý tài chính gia đình; Ngoài ra còn mất lòng tin về tình cảm do một bên nghi ngờ bên kia có quan hệ ngoại tình. Mâu thuẫn gia đình đến nay là trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, cả hai bên đều đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ tình cảm. Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Đ và bà T là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Ông Đ và bà T có 01 con chung là Luân Văn Th, sinh ngày 29/8/2000. Hai bên T giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận của

ông Đ bà T là tự nguyện, không trái đạo đức và quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu Luân Văn Th, nên cần giao con chung của ông Đ bà T cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại các điều 81, 82 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp. Các bên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản, nợ chung: Ông Đ và bà T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 14, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Tuyên bố quan hệ giữa ông Luân Văn Đ với bà Vy Thị T không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Luân Văn Đ có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Luân Văn Th, sinh ngày 29/8/2000. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Ông Đ phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp trước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021776 ngày 31/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh BP.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ